

**CÔNG TY TNHH BA ĐÌNH NHẬT MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BA ĐÌNH NHẬT MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109869077

**3. Ngày thành lập:** 23/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 18N ngõ 488 Phố Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914820153

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.                                                                                                                                                                         | 4633     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm; (Căn cứ Điều 32 Luật dược 2016)<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4653     |

|     |                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659        |
| 14. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh mua bán khí     | 4661        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 16. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                       | 0510        |
| 17. | Quảng cáo                                                                                            | 7310        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                       | 7410        |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                               | 7710        |
| 20. | Bán buôn tổng hợp                                                                                    | 4690        |
| 21. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm<br>(Căn cứ Điều 53 Luật Khoáng sản năm 2010)                       | 0730        |
| 22. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                      | 0810        |
| 23. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                              | 0899        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                            | 0990        |
| 25. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                              | 1622        |
| 26. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                              | 1623        |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện             | 1629        |
| 28. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                  | 1702        |
| 29. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                     | 1709        |
| 30. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                             | 1812        |
| 31. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                     | 2591        |
| 32. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592        |
| 33. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                | 8130        |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101(Chính) |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102        |
| 36. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212        |
| 37. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221        |
| 38. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222        |
| 39. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223        |
| 40. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229        |
| 41. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                     | 4311        |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                          | 4312        |
| 43. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm; (Căn cứ Điều 32 Luật dược 2016)<br>- Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4772 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM XUÂN ĐIỀU \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *1954* \_\_\_\_\_ Dân tộc: *Kinh* \_\_\_\_\_ Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *011324138*  
 Ngày cấp: *20/06/2012* \_\_\_\_\_ Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*  
 Địa chỉ thường trú: *TT Báo Tuổi trẻ, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
 Địa chỉ liên lạc: *TT Báo Tuổi trẻ, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội